

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 24

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh ướt thịt heo, giá, hẹ, cải ca ron, cà rốt, nấm mèo, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Trứng gà chiên nấm rơm, ớt chuông đỏ, hành lá, ngò rí
- Canh mồng toi nấu tôm tươi, nấm bào ngư
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Hủ tiếu nấu mực, mướp hương, hành tây, rau tần ô, hành lá, ngò í
- NT nhóm 2: Cháo nấu mực, cà rốt, rau tần ô

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,400	2,560	35,840
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0647	Bánh ướt	400	2,200	8,800
9	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
10	0098	Cải xanh	100	5,040	5,040
11	0118	Giá đậu xanh	100	2,520	2,520
12	0124	Hẹ lá	50	4,520	2,260
13	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,800	75,200
14	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	20	15,950	3,190
15	0211	Nấm rơm	100	13,130	13,130
16	0143	Ớt chuông đỏ	100	10,400	10,400
17	0451	Trứng gà công nghiệp	1,500	7,333.3	110,000
18	0163	Rau mồng toi	600	4,520	27,120
19	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
20	0424	Tôm sú	400	30,980	123,920
21	N0755	Hủ tiếu	300	4,290	12,870
22	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
23	0136	Mướp	200	3,990	7,980

24	0095	Cải cúc (tần ô)	100	6,300	6,300
25	0632	Mực ống	400	36,650	146,600
26	0686	Sữa tươi Vinamilk	330	6,000	19,800
27	0457	Sữa bột toàn phần	499.17	20,500	102,330
28	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	768	14,750	113,280
Tổng cộng					888,000

Tổng tiền thực phẩm	888,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	888,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	19,018,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	19,018,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan